

(Ban hành kèm theo Công văn số /SXD-KTĐT ngày /6/2025 của Sở Xây dựng Quảng Ngãi)

Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) (*)

[illegible]

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Ghi chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tơ	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
18	Đá cấp phối B	m3									131.818									
19	Đá Lôca>30cm	m3									154.545									
20	Đá Lôca<30cm	m3									168.182									
					Cty TNHH Đại Long		giá tại mỏ đá An Hội, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa													
21	Đá 1x2	m3									250.000									
22	Đá 2x4	m3			"		"				213.636									
23	Đá 4x6	m3			"		"				195.455									
24	Đá Base (Dmax = 25mm)	m3			"		"				200.000									
25	Đá Base (Dmax = 37,5mm)	m3			"		"				172.727									
26	Đá 0,5x1	m3			"		"				181.818									
27	Đá lô ca (pha bỏ, tuyển từ đá hộc) >30cm	m3			"		"				140.909									
28	Đá lô ca (pha bỏ, tuyển từ đá hộc)<30cm	m3			"		"				159.091									
29	Đá xô bỏ	m3			"		"				109.091									
30	Đá bụi	m3			"		"				154.545									
	đá dùng cho bê tông nhựa	m3			"		"													
31	Đá 0x5	m3			"		"				181.818									
32	Đá 5x10	m3			"		"				281.818									
33	Đá 10x16	m3			"		"				318.182									
34	Đá 10x19	m3			"		"				318.182									
35	Đá 19x25	m3			"		"				300.000									
	THÉP HỘP, THÉP ỐNG MẠ KẼM				Cty CP Tập đoàn Hoa Sen	Việt Nam														
36	thép hộp 13x26 độ dày từ 1,0 đến 1,1	kg		6m				19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500
37	thép hộp 20x20x0,8	kg		6m				19.690	19.690	19.690	19.690	19.690	19.690	19.690	19.690	19.690	19.690	19.690	19.690	19.690
38	thép hộp 20x20x1,2	kg		6m				19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500
39	thép hộp 20x40 đến hộp 60x120 độ dày từ 1,0 đến 1,8	kg		6m				19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100
40	thép ống fi 60 đến fi 90 độ dày 1,1 trở lên	kg		6m				19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100
	VẬT LIỆU TẮM LỘP, BAO CHE																			
	Tôn lạnh Hoa Sen				Cty CP Tập đoàn Hoa Sen	Việt Nam														

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Ghi chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tơ	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
	Tôn lạnh Hoa Sen AZ100 phủ AF 1200mm (khô tôn chưa cán) G550						giá đã bao gồm cán sóng, khô tôn sau khi cán là 1,07m													
41	AZ100 phủ AF: 0.30mm	m						75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000
42	AZ100 phủ AF: 0.35mm	m						8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300
43	AZ100 phủ AF: 0.40mm	m						92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000
44	AZ100 phủ AF: 0.45mm	m						101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000
45	AZ100 phủ AF: 0.50mm	m						110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
	Tôn lạnh màu Hoa Sen AZ050 17/05 khô 1200mm (khô tôn chưa cán) G550						giá đã bao gồm cán sóng, khô tôn sau khi cán là 1,07m													
46	Tôn lạnh màu Hoa Sen AZ050 17/05: 0.30mm	m						82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000
47	Tôn lạnh màu Hoa Sen AZ050 17/05: 0.35mm	m						92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000
48	Tôn lạnh màu Hoa Sen AZ050 17/05: 0.40mm	m						101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000
49	Tôn lạnh màu Hoa Sen AZ050 17/05: 0.45mm	m						112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000
50	Tôn lạnh màu Hoa Sen AZ050 17/05: 0.50mm	m						123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000
51	Tôn HOA SEN GOLD màu : 0.50mmx1200mm	m						134.000	134.000	134.000	134.000	134.000	134.000	134.000	134.000	134.000	134.000	134.000	134.000	134.000
	GẠCH ỐP LÁT																			
	Gạch bê tông tự chèn tính năng cao			Cty CP XD đô thị và khu công nghiệp (nhà máy gạch Dung Quất)			giá tại nhà máy Khu công nghiệp Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh													
52	gạch giả đá vân mây màu xám ghi, mác 400	m2			300x300x6					213.000										
53	gạch dẫn hướng màu đen, mác 400	m2			300x300x6					223.000										
54	gạch dừng bước chằm bi, màu đen mác 400	m2			300x300x6					223.000										
	KHUNG, TRẦN CÁC LOẠI																			

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Ghi chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tơ	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
	Sản phẩm của Công ty TNHH KNAUF Việt Nam																			
55	Hệ khung trần chìm đồng dạng Xtra C và tấm thạch cao tiêu chuẩn Knauf UltraLight 9.0mm	m2	QCVN 16 : 2023/BXD		Knauf	Việt Nam		175.000												
56	Hệ khung trần chìm đồng dạng Xtra C và tấm thạch cao chịu ẩm Knauf UltraMoist 9.0mm	m2	QCVN 16 : 2023/BXD		Knauf	Việt Nam		190.000												
57	Hệ khung trần chìm đồng dạng Pro C và tấm thạch cao tiêu chuẩn Knauf UltraLight 9.0mm	m2	QCVN 16 : 2023/BXD		Knauf	Việt Nam		190.000												
58	Hệ khung trần chìm đồng dạng Pro C và tấm thạch cao chịu ẩm Knauf UltraMoist 9.0mm	m2	QCVN 16 : 2023/BXD		Knauf	Việt Nam		205.000												
59	Hệ khung trần chìm xương cá Pro V và tấm thạch cao tiêu chuẩn Knauf UltraLight 9.0mm	m2	QCVN 16 : 2023/BXD		Knauf	Việt Nam		215.000												
60	Hệ khung trần chìm xương cá Pro V và tấm thạch cao chịu ẩm Knauf UltraMoist 9.0mm	m2	QCVN 16 : 2023/BXD		Knauf	Việt Nam		230.000												
61	Hệ khung trần nổi T3 và Tấm thạch cao tiêu chuẩn trang trí sơn Diamond theo quy cách 605x1210x9.0mm	m2	QCVN 16 : 2023/BXD		Knauf	Việt Nam		185.000												
62	Hệ khung trần nổi T3 và Tấm thạch cao tiêu chuẩn trang trí phủ PVC Palazzo theo quy cách 605x1210x9.0mm	m2	QCVN 16 : 2023/BXD		Knauf	Việt Nam		195.000												

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Ghi chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tơ	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
63	Hệ khung vách ngăn Knauf Suprawall 76 và mỗi bên một lớp tấm Knauf StandardShield dày 12.7mm.	m2	QCVN 16 : 2023/BXD		Knauf	Việt Nam		420.000												
	SON																			
	Sản phẩm của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại SJC																			
64	Son giao thông phản quang nhiệt dẻo màu trắng	kg						24.200												
65	Son giao thông phản quang nhiệt dẻo màu vàng	kg						25.300												
66	Bì phản quang	kg						17.600												
	ĐÈN, TRỤ ĐÈN CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG																			
	Sản phẩm của Công ty TNHH SUPER GROUP																			
	Bộ đèn đường SUPPER LED: Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm đúc áp lực cao. Có cầu đấu tự động ngắt điện ; Hiệu suất phát quang: $\geq 150\text{lm/W}$; Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K (tùy chọn); CRI: > 70 ; Bộ nguồn: Thương hiệu EU; Chip LED: Chuẩn LM80; Chống xung điện áp: $\geq 20\text{kV}$; Tuổi thọ bộ đèn: ≥ 100.000 giờ; IP67; IK10; Hệ số duy trì quang thông: ≥ 0.95 ; Bộ đèn tích hợp công kết nối mở rộng thông minh DALI/1- 10V					Việt Nam														
67	30w	bộ						5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000
68	60w	bộ						6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000
69	70w	bộ						7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000
70	75w	bộ						7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000
71	80w	bộ						8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100
72	90w	bộ						8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000
73	100w	bộ						10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000
74	115w	bộ						11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000
75	120w	bộ						11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000
76	125w	bộ						11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000
77	130w	bộ						11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000
78	135w	bộ						12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000
79	140w	bộ						12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000
80	150w	bộ						12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000
81	155w	bộ						15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Ghi chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tơ	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
82	160W	bộ						16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000
83	180W	bộ						16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000
	Bộ đèn đường SUPPER LED: Vô đèn bằng hợp kim nhôm đúc áp lực cao. Có cầu đấu tự động ngắt điện; Hiệu suất phát quang: $\geq 140\text{lm/W}$; Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K (tùy chọn); CRI: > 70 ; Bộ nguồn: Thương hiệu EU; Chip LED: Chuẩn LM80; Chống xung điện áp: $\geq 20\text{kV}$; IP66; IK08; Hệ số duy trì quang thông: ≥ 0.95 ; Bộ đèn tích hợp cổng kết nối mở rộng thông minh Dali/1- 10V; Tuổi thọ bộ đèn: ≥ 100.000 giờ				Công ty TNHH SUPER GROUP	Việt Nam														
84	30W	bộ						4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000
85	60W	bộ						6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000
86	70W	bộ						7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000
87	75W	bộ						7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000
88	80W	bộ						7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000
89	90W	bộ						8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000
90	100W	bộ						9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000
91	115W	bộ						10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000
92	120W	bộ						10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000
93	125W	bộ						10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000
94	130W	bộ						10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000
95	135W	bộ						11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000
96	140W	bộ						11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000
97	150W	bộ						12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000
98	155W	bộ						14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000
99	160W	bộ						15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000
100	180W	bộ						15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000
	LED SUPPER LED Vô đèn bằng hợp kim nhôm đúc áp lực cao; Hiệu suất phát quang: $\geq 150\text{lm/W}$; Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K (tùy chọn); CRI: > 70 ; Bộ nguồn: Thương hiệu EU; Chip LED: Chuẩn LM80; Hệ số công suất > 0.95 ; Chống xung điện áp: $\geq 20\text{kV}$; IP66; IK08; Hệ số duy trì quang thông: ≥ 0.95 ; - Bộ đèn tích hợp cổng kết nối mở rộng thông minh Dali/1- 10V; Tuổi thọ bộ đèn: ≥ 100.000 giờ					Việt Nam														
101	FLOODLIGHT LED 200W	bộ						12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000
102	FLOODLIGHT LED 250W	bộ						15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000
103	FLOODLIGHT LED 300W	bộ						15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000
104	FLOODLIGHT LED 350W	bộ						16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000
105	FLOODLIGHT LED 380W	bộ						25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Ghi chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tơ	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
106	FLOODLIGHT LED 400W	bộ						26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000
107	FLOODLIGHT LED 500W	bộ						30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000
	<i>BỘ ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG</i>				<i>Công ty TNHH SUPER GROUP</i>	<i>Việt Nam</i>														
108	Bộ đèn THGT chữ thập D300 đỏ	bộ						5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000
109	Bộ đèn chữ thập D200 đỏ	bộ						4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000
110	Bộ đèn THGT mũi tên rẽ trái (đỏ + vàng + xanh) 3xD300	bộ						13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000
111	Bộ đèn THGT (đỏ + vàng + xanh) 3xD300	bộ						14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000
112	Bộ đèn THGT (đỏ + vàng + xanh) 3xD200	bộ						11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000
113	Bộ đèn THGT lặp lại (đỏ + vàng + xanh) 3xD100	bộ						6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000
114	Bộ đèn THGT số đếm lùi 3 màu D500x600	bộ						12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000
115	Bộ đèn THGT số đếm lùi 3 màu D300	bộ						7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000
116	Bộ đèn THGT số đếm lùi D300 + bộ đèn THGT (đỏ + vàng + xanh) 3xD300	bộ						21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000
117	Bộ đèn cho người đi bộ (xanh, đỏ) D300	bộ						7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000
118	Bộ đèn cho người đi bộ (xanh, đỏ) 2xD200	bộ						6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000
119	Đèn cho xe máy quẹo phải D300 xanh	bộ						6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000
120	Tủ điều khiển THGT 2 pha	tủ						52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000
121	Tủ điều khiển THGT 3 pha	tủ						70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000
	<i>TRỤ ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG SUPER GROUP</i>				<i>Công ty TNHH SUPER GROUP</i>	<i>Việt Nam</i>														

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Ghi chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tơ	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
122	TRỤ ĐÈN THGT CAO 6.3M VƯỜN 10M	đ/cột						58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000
123	TRỤ ĐÈN THGT CAO 6.3M VƯỜN 6M	đ/cột						26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000
124	TRỤ ĐÈN THGT CAO 6.25M VƯỜN 4M	đ/cột						22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000
125	TRỤ ĐÈN THGT CAO 4.5M	đ/cột						5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000
126	TRỤ ĐÈN THGT CHO NGƯỜI ĐI BỘ CAO 2.6M	đ/cột						2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000
127	TRỤ ĐỒ TỪ THGT D114x3mm	đ/cột						1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000
128	TRỤ ĐÈN THGT CHÓP VÀNG CAO 6.2M VƯỜN 3M	đ/cột						16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000
129	TRỤ ĐÈN THGT CHÓP VÀNG CAO 3.5M	đ/cột						3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000
	Trụ đèn chiếu sáng STK			H(m)xđ(mm) - Đường kính đầu/đường kính đáy (mm/mm) - Đế dáp B(mm)xđ(mm) (Tâm bu lông 300x300, đối với đế B≥400mm hàn 4 gân tăng cường dày 6mm.)																
130	6mx3-60/150-375x375x10	trụ		6mx3-60/150-375x375x10				4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000
131	7mx3-60/150-375x375x10	trụ		7mx3-60/150-375x375x10				5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000
132	8mx3-60/150-375x375x10	trụ		8mx3-60/150-375x375x10				5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000
133	8mx3-60/190-375x375x10	trụ		8mx3-60/190-375x375x10				6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000
134	8mx4-86/190-400x400x12	trụ		8mx4-86/190-400x400x12				8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000
135	9mx3-60/190-400x400x12	trụ		9mx3-60/190-400x400x12				7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000
136	9mx4-60/190-400x400x12	trụ		9mx4-60/190-400x400x12				8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000
137	9mx4-86/190-400x400x12	trụ		9mx4-86/190-400x400x12				10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Ghi chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tơ	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
138	10mx4-60/190-400x400x12	trụ		10mx4-60/190-400x400x12				10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000
139	10mx4-86/190-400x400x12	trụ		10mx4-86/190-400x400x12				11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000
	<i>Cần đèn chiếu sáng</i>			(cần cao 2m, vưon 1.5m)																
140	Cần đơn D60 dày 2mm	cần						825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000
141	Cần đơn đôi D60 dày 2mm	cần						1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000
142	Cần đơn ba D60 dày 2mm	cần						2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000
143	Cần đơn D60 dày 3mm	cần						1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000
144	Cần đơn đôi D60 dày 3mm	cần						2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000
145	Cần đơn kiểu dây 2mm. Ống đứng D60x2mm-cao 2m. Nhánh D60 x 2mm-vưon 1,5m. Nhánh phụ D60x2mm. Thanh chống D49x2mm. Đuôi hàn ống lót D49. Đầu gắn quả cầu inox D100	cần						2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000
146	Cần đơn kiểu dây 3mm. Ống đứng D80/60x3mm - cao 2m. Nhánh D60x3mm-vưon 1,5mm. Thanh chống D49x3mm. Đuôi hàn tán M10. Đầu gắn cầu inox D100	cần						3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000
	<i>Trụ trang trí sân vườn</i>																			
147	SUPER 02 + Đầu đèn trang trí SUPER HELEN	bộ		Thân trụ D76/114mm mạ kẽm nhúng nóng sơn tĩnh điện, sử dụng chip LED, Driver hiệu CREE/PHILIP S công suất 30W- 80W. Hiệu suất phát quang $\geq$ 120Lm/W, IK08_IP66.				12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Ghi chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tơ	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
148	SUPER 02 + Đầu đèn trang trí SUPER LIGHT	bộ		Thân trụ D90/140mm mạ kẽm nhúng nóng sơn tĩnh điện, sử dụng chip LED, Driver hiệu CREE/PHILIP S công suất 30W- 80W. Hiệu suất phát quang $\geq$ 120Lm/W, IK08, IP66.				11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000
149	SUPER 06 + Đầu đèn trang trí SUPER QUEEN	bộ		Đế gang đúc DC06, thân nhôm định hình, sử dụng chip LED, Driver hiệu CREE/PHILIP S công suất 30W- 80W. Hiệu suất phát quang $\geq$ 120Lm/W, IK08, IP66.				8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000
150	SUPER 05 + Đầu đèn nữ hoàng	bộ		Đế gang đúc DC05B, thân nhôm định hình, đầu đèn nữ hoàng + 01 bóng LED 20W				14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000
151	SUPER 05 + Đầu đèn ZELDA:	bộ		Đế gang đúc DC05B, thân nhôm định hình, chùm CH11-5 lắp đầu đèn Zeda1, bóng LED 20W				18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000
152	SUPER 05 + Đầu đèn TUYLIP	bộ		Đế gang đúc DC05B, thân nhôm định hình, chùm CH11-5 lắp đầu đèn Tuylip, bóng LED 20W				17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Ghi chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tơ	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
153	SUPER 05 + Đầu đèn PMMA D400	bộ		Đề gang đúc DC05B, thân nhôm định hình, chùm CH11-5 lắp cầu PMMA D400, bóng LED 20W				15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000
154	SUPER 07 + Đèn cầu hoa sen	bộ		Đề gang Banian DC07, thân nhôm định hình, chùm CH04-5 lắp cầu hoa sen, bóng LED 20W				13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000
155	SUPER 07 + Đèn cầu PMMA D400	bộ		Đề gang Banian DC07, thân nhôm định hình, chùm CH07-5 lắp cầu PMMA D400, bóng LED 20W				12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000
156	SUPER 12 + Đầu đèn ZELDA	bộ		Đề gang sứ từ, thân gang được chia thành nhiều đốt nối với nhau, chùm CH04-5 lắp đầu đèn Zelda, bóng LED 20W				22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000
157	SUPER 12 + Đèn cầu PMMA D400	bộ		Đề gang sứ từ, thân gang được chia thành nhiều đốt nối với nhau, chùm CH04-5 lắp cầu PMMA D400, bóng LED 20W				18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000